

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 377 /CV-MĐCB

Cao Bằng, ngày 23 tháng 09 năm 2019

V/v: Công bố Báo cáo tài chính kết  
thúc tại ngày 30/06/2019 đã được  
kiểm toán.

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN THƯỜNG NIÊN**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước**

**Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng - huyện Phục Hòa - tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121 Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: Caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Nông Văn Lạc

Địa chỉ: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Điện thoại di động: 0914216588

2. Nội dung thông tin công bố :

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng thực hiện công bố thông tin: **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 30/06/2019 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/09/2019 tại đường dẫn <http://www.miaduongcaobang.vn/quanhecedong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

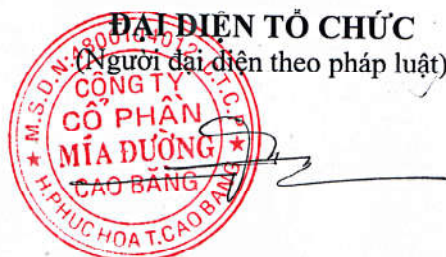
Trân trọng./.

**\* Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2019.

**Nơi nhận :**

- Như kính gửi;
- Lưu HS CBTT;
- Lưu Vt



*Nông Văn Lạc*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 36

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 04 ngày 07/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.279.250.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 04 ngày 07/08/2018, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT
Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nông Văn Thuyết	Thành viên HĐQT
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT

**Ban kiểm soát**

Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Đinh Bê Đình	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nông Văn Lạc	Tổng Giám đốc
Ông Ma Trung Lập	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nông Thị Nậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nông Văn Lạc                      Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**3.        Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4.        Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5.        Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

**6.        Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

**NÔNG VĂN LẠC**  
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 20 tháng 09 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.  
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 038/2019/BCKT-PB.00024

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 09 năm 2019, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề được trình bày tại thuyết minh 9.4. Theo đó, tại ngày 30/06/2019, tổng nợ ngắn hạn của Công ty là 133.541.348.383 đồng trong khi đó tổng tài sản ngắn hạn là 108.771.136.279 đồng. Như vậy, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 24.770.212.104 đồng. Việc thiếu hụt vốn lưu động cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc để từng bước khắc phục tình trạng nêu trên được trình bày tại Thuyết minh 9.4. Theo đó, báo cáo tài chính tiếp tục được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.



**LÊ VIỆT CƯỜNG**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –  
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2019

**PHẠM TUẤN VŨ**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1

W A C I C H C H 2 4 / 1 9



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>108.771.136.279</b>	<b>75.093.017.721</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.333.599.959</b>	<b>937.926.685</b>
1. Tiền	111		1.333.599.959	937.926.685
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.768.573.241</b>	<b>19.978.364.218</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.349.264.747	12.620.169.815
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	186.362.500	1.068.570.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.993.396.761	6.123.900.844
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(122.680.000)	(185.512.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		362.229.233	351.235.559
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>96.668.963.079</b>	<b>54.159.784.611</b>
1. Hàng tồn kho	141		111.326.898.272	66.926.149.040
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.657.935.193)	(12.766.364.429)
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>16.942.207</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	16.942.207
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>81.456.661.480</b>	<b>89.714.503.343</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.369.122.353</b>	<b>73.895.227.878</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	64.000.468.625	69.299.729.991
- Nguyên giá	222		242.923.809.938	238.128.744.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.923.341.313)	(168.829.014.371)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.368.653.728	4.595.497.887
- Nguyên giá	228		1.842.128.434	4.999.436.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(473.474.706)	(403.938.547)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.650.173.955</b>	<b>5.157.327.906</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	5.650.173.955	5.157.327.906
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.437.365.172</b>	<b>10.661.947.559</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	10.437.365.172	10.661.947.559
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>190.227.797.759</b>	<b>164.807.521.064</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>136.072.739.383</b>	<b>81.897.320.444</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>133.541.348.383</b>	<b>79.365.929.444</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	26.091.575.540	7.373.731.273
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	16.895.327.600	3.010.050.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	680.670.862	367.951.441
4. Phải trả người lao động	314		1.450.869.148	2.359.978.788
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	144.000.000	276.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.462.982.164	3.391.047.373
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	80.437.168.000	59.600.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.378.755.069	2.987.170.069
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.531.391.000</b>	<b>2.531.391.000</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.531.391.000	2.531.391.000
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54.155.058.376</b>	<b>82.910.200.620</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>54.120.058.376</b>	<b>82.875.200.620</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.279.250.000	35.279.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.279.250.000	35.279.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.943.264.691	3.943.264.691
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.894.768.803	66.894.768.803
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.986.262.112	9.986.262.112
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(61.983.487.230)	(33.228.344.986)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33.228.344.986)	59.538.963
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(28.755.142.244)	(33.287.883.949)
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>190.227.797.759</b>	<b>164.807.521.064</b>



**NÔNG VĂN LẠC**  
**Tổng Giám đốc**

Cao Bằng, ngày 20 tháng 09 năm 2019

**MÃ THỊ QUYẾT**  
**Kế toán trưởng**

**MÃ THỊ QUYẾT**  
**Người lập biểu**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	162.180.715.608	216.301.020.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	34.910.285	149.055.522
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		162.145.805.323	216.151.964.637
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	181.083.070.427	237.060.090.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(18.937.265.104)	(20.908.125.584)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	78.550.005	42.097.489
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.743.542.194	3.109.536.857
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.685.893.148	3.051.985.287
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	1.132.519.049	1.377.075.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	5.162.940.370	7.360.438.349
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.897.716.712)	(32.713.078.447)
11. Thu nhập khác	31	6.8	4.336.801.439	7.754.609.331
12. Chi phí khác	32	6.9	4.125.688.571	8.329.414.833
13. Lợi nhuận khác	40		211.112.868	(574.805.502)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(28.686.603.844)	(33.287.883.949)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	68.538.400	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(28.755.142.244)	(33.287.883.949)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(8.151)	(9.436)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	(8.151)	(9.436)



**NÔNG VĂN LẠC**  
 Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 20 tháng 09 năm 2019

**MÃ THỊ QUYẾT**  
 Kế toán trưởng

**MÃ THỊ QUYẾT**  
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	181.834.803.210	237.374.995.835
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(171.376.618.527)	(204.144.330.417)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.393.278.221)	(15.777.815.753)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.817.893.148)	(4.194.300.194)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(68.538.400)	(3.417.378.081)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	262.860.741	1.704.189.134
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.390.991.541)	(23.831.779.040)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(17.949.655.886)</b>	<b>(12.286.418.516)</b>
<b>II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.003.132.914)	(9.236.972.260)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.500.000.000	58.545.454
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	23.641.619
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.471.018	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.489.661.896)</b>	<b>(9.154.785.187)</b>
<b>III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	141.837.168.000	125.100.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(121.000.000.000)	(115.501.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.703.200)	(2.901.503.760)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>20.830.464.800</b>	<b>6.697.496.240</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>391.147.018</b>	<b>(14.743.707.463)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>937.926.685</b>	<b>15.681.634.148</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	4.526.256	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.333.599.959</b>	<b>937.926.685</b>



**NÔNG VĂN LẠC**  
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 20 tháng 09 năm 2019

**MÃ THỊ QUYẾT**  
Kế toán trưởng

**MÃ THỊ QUYẾT**  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 04 ngày 07/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.279.250.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM theo quyết định số 428/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán: CBS.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 thay đổi lần thứ 04 ngày 07/08/2018, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cốm, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

---

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Là chi phí nguyên vật liệu đóng bao đường túi.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân giá quyền năm. Các mặt hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân giá quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**Chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

**4.7 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất của công ty bao gồm các diện tích đất có thời hạn sử dụng và không có thời hạn sử dụng cho mục đích xả thải. Chi tiết các diện tích đất được trình bày tại thuyết minh 5.8.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.



#### **4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

#### **4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

**4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ năm 2006.

**4.17 Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phát sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	506.246.340	161.159.064
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	827.353.619	776.767.621
Tiền gửi VND	827.279.728	775.364.935
Tiền gửi ngoại tệ	73.891	1.402.686
<b>Cộng</b>	<b>1.333.599.959</b>	<b>937.926.685</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt - CNY	116.268	394.090.386
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - CNY	21,80	73.891

**5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH TMTH Kim Anh	374.100.000		352.100.000	
Công ty TNHH SX và Thương Mại Tư Dung	129.000.000		135.300.000	
Phải thu nợ vùng nguyên liệu	4.325.966.747	(112.680.000)	10.674.050.965	(112.680.000)
Các khách hàng khác	3.520.198.000		1.458.718.850	
<b>Cộng</b>	<b>8.349.264.747</b>	<b>(112.680.000)</b>	<b>12.620.169.815</b>	<b>(112.680.000)</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH N.G Sơn Lâm	-	-	806.330.000	-
Các khách hàng khác	186.362.500	-	262.240.000	-
<b>Cộng</b>	<b>186.362.500</b>	<b>-</b>	<b>1.068.570.000</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	1.263.446.848		3.857.546.162	
Phải thu ứng tiền dầu cho lái xe chở mía	91.681.452	-	1.715.387.940	-
Phải thu BHXH, KPCĐ người lao động	482.235.944	-	313.215.983	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	156.032.517	(10.000.000)	237.750.759	(72.832.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.993.396.761</b>	<b>(10.000.000)</b>	<b>6.123.900.844</b>	<b>(72.832.000)</b>

**5.5 Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Hà Thị Thoa	42.120.000	-	42.120.000	-
Ngọc Thị Tuyết	70.560.000	-	70.560.000	-
Nguyễn Thị Thủy	-	-	62.832.000	-
Ban QL KKT cửa khẩu Tà Lùng	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>122.680.000</b>	<b>-</b>	<b>185.512.000</b>	<b>-</b>

Các khoản công nợ được trích dự phòng nợ khó đòi đều có thời gian quá hạn trên 3 năm.

**5.6 Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	781.637.880	-	872.131.458	-
Công cụ, dụng cụ	2.558.209.043	-	3.030.124.627	-
Chi phí SXKD dở dang	669.865.159	-	299.686.754	-
Thành phẩm	72.586.719.185	(14.657.935.193)	62.381.079.776	(12.766.364.429)
Hàng hoá	926.113.577	-	190.282.211	-
Hàng gửi đi bán	33.804.353.428	-	152.844.214	-
<b>Cộng</b>	<b>111.326.898.272</b>	<b>(14.657.935.193)</b>	<b>66.926.149.040</b>	<b>(12.766.364.429)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	58.914.225.292	175.342.435.041	3.682.683.236	189.400.793	238.128.744.362
Mua trong kỳ	1.182.223.810	3.612.841.766			4.795.065.576
<b>Số cuối năm</b>	<b>60.096.449.102</b>	<b>178.955.276.807</b>	<b>3.682.683.236</b>	<b>189.400.793</b>	<b>242.923.809.938</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
<b>Số đầu năm</b>	37.917.728.023	127.630.386.826	3.114.219.562	166.679.960	168.829.014.371
Khấu hao trong năm	2.496.066.656	7.442.328.786	150.944.000	4.987.500	10.094.326.942
<b>Số cuối năm</b>	<b>40.413.794.679</b>	<b>135.072.715.612</b>	<b>3.265.163.562</b>	<b>171.667.460</b>	<b>178.923.341.313</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Số đầu năm</b>	20.996.497.269	47.712.048.215	568.463.674	22.720.833	69.299.729.991
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.682.654.423</b>	<b>43.882.561.195</b>	<b>417.519.674</b>	<b>17.733.333</b>	<b>64.000.468.625</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 13.421.069.658 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 86.389.623.529 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	4.882.027.343	-	-	117.409.091	-	4.999.436.434
Thanh lý, nhượng bán	(3.157.308.000)					(3.157.308.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.724.719.343</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>117.409.091</b>	<b>-</b>	<b>1.842.128.434</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số đầu năm	403.938.547	-	-	-	-	403.938.547
Khấu hao trong năm	52.763.432	-	-	16.772.727	-	69.536.159
<b>Số cuối năm</b>	<b>456.701.979</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.772.727</b>	<b>-</b>	<b>473.474.706</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số đầu năm	4.478.088.796	-	-	117.409.091	-	4.595.497.887
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.268.017.364</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>100.636.364</b>	<b>-</b>	<b>1.368.653.728</b>

Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2019 gồm:

Lô đất	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Giá trị (VND)	Pháp lý
Đất ao thải	8.890	20 năm	1.055.268.643	Đã có sổ đỏ
Đất tuyến mương thoát nước ao thải		Không thời hạn	27.191.700	Đang làm sổ đỏ
Đất bến Xà Lan	3.633,5	Không thời hạn	574.911.000	Đang làm sổ đỏ
Đất tại cửa xả nước thải	160	Không thời hạn	67.348.000	Đang làm sổ đỏ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	Số cuối năm VND
Xây dựng cơ bản	5.157.327.906	648.078.400	9.223.600	146.008.751	5.650.173.955
<i>Dự án Trại mía giống</i>	<i>442.919.903</i>				<i>442.919.903</i>
<i>Dự án khu dân cư</i>	<i>4.568.399.252</i>	<i>638.854.800</i>			<i>5.207.254.052</i>
<i>Các công trình XD CB khác</i>	<i>146.008.751</i>	<i>9.223.600</i>	<i>9.223.600</i>	<i>146.008.751</i>	<i>-</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ					-
	<b>5.157.327.906</b>	<b>648.078.400</b>	<b>9.223.600</b>	<b>146.008.751</b>	<b>5.650.173.955</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.954.780.890	328.562.673
Chi phí sửa chữa	150.656.455	9.313.445.492
Các khoản khác	3.331.927.827	1.019.939.394
<b>Cộng</b>	<b><u>10.437.365.172</u></b>	<b><u>10.661.947.559</u></b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Đàm Diệu Hoa ( Tổng cửa hàng P.Phối máy NN xuân về - Long châu - QTây - TQ)	493.995.899	493.995.899	-	-
Công ty cổ phần vật tư No Cao Bằng	3.641.010.000	3.641.010.000	-	-
Công nợ phải trả lái xe chở mía	3.855.248.918	3.855.248.918	6.453.389.482	6.453.389.482
Công ty cổ phần bao bì Đồng Phú	1.467.614.610	1.467.614.610	-	-
Các hộ nông dân trồng mía	15.072.963.114	15.072.963.114	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.560.742.999	1.560.742.999	920.341.791	920.341.791
<b>Cộng</b>	<b><u>26.091.575.540</u></b>	<b><u>26.091.575.540</u></b>	<b><u>7.373.731.273</u></b>	<b><u>7.373.731.273</u></b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Đức Lộc	9.676.500.000	9.676.500.000	696.140.000	696.140.000
Công ty CPTM&DV Song Phương	5.650.000.000	5.650.000.000	-	-
Công ty TNHH TM - XNK Cửu Liên Long Châu Quảng tây	1.561.488.600	1.561.488.600	-	-
Các đối tượng khác	7.339.000	7.339.000	2.313.910.500	2.313.910.500
<b>Cộng</b>	<b><u>16.895.327.600</u></b>	<b><u>16.895.327.600</u></b>	<b><u>3.010.050.500</u></b>	<b><u>3.010.050.500</u></b>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	367.951.441	5.812.862.716	5.500.143.295	680.670.862
Thuế xuất, nhập khẩu	-	356.400.509	356.400.509	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	68.538.400	68.538.400	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.345.405	26.345.405	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	462.830.052	462.830.052	-
Các loại thuế khác	-	12.913.205	12.913.205	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	74.984.700	74.984.700	-
<b>Cộng</b>	<b>367.951.441</b>	<b>6.739.890.287</b>	<b>6.427.170.866</b>	<b>680.670.862</b>

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	132.000.000
Chi phí khác	144.000.000	144.000.000
<b>Cộng</b>	<b>144.000.000</b>	<b>276.000.000</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	568.693.759	568.693.759	375.340.805	375.340.805
Bảo hiểm xã hội	620.695.121	620.695.121	-	-
Cổ tức phải trả	185.236.840	185.236.840	191.940.040	191.940.040
Phải trả khác	4.088.356.444	4.088.356.444	2.823.766.528	2.823.766.528
<b>Cộng</b>	<b>5.462.982.164</b>	<b>5.462.982.164</b>	<b>3.391.047.373</b>	<b>3.391.047.373</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1&gt;Vay ngắn hạn</b>	<b>80.437.168.000</b>	<b>80.437.168.000</b>	<b>141.837.168.000</b>	<b>121.000.000.000</b>	<b>59.600.000.000</b>	<b>59.600.000.000</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà <i>	68.000.000.000	68.000.000.000	130.400.000.000	115.400.000.000	53.000.000.000	53.000.000.000
Vay cá nhân ông Nông Văn Lạc	1.000.000.000	1.000.000.000	-	600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Vay cá nhân khác	11.437.168.000	11.437.168.000	11.437.168.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.437.168.000</b>	<b>80.437.168.000</b>	<b>141.837.168.000</b>	<b>121.000.000.000</b>	<b>59.600.000.000</b>	<b>59.600.000.000</b>

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8312LAV201900130 ngày 29 tháng 01 năm 2019 với hạn mức tín dụng tối đa là 68.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là để mua mía nguyên liệu, mua nguyên nhiên vật liệu khác phục vụ sản xuất và mua mía giống, phân bón, vôi bột ứng trước cho người trồng mía. Thời hạn cho vay của hợp đồng không quá 12 tháng được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng tài sản cố định của Công ty, tài sản thuộc sở hữu của ông Nông Văn Lạc gồm căn hộ tại Khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, xã Mễ Trì, huyện Nam Từ Liêm, Hà Nội và cổ phần tại Công ty CP Mía đường Cao Bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**

**5.17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>25.200.000.000</b>	<b>3.943.264.691</b>	<b>56.402.479.101</b>	<b>9.986.262.112</b>	<b>26.278.151.090</b>	<b>121.810.156.994</b>
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	(33.287.883.949)	(33.287.883.949)
Trích lập các quỹ	-	-	10.492.289.702	-	(13.115.362.127)	(2.623.072.425)
Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu	10.079.250.000	-	-	-	(10.079.250.000)	-
Chia cổ tức 2016 bằng tiền	-	-	-	-	(3.024.000.000)	(3.024.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>35.279.250.000</b>	<b>3.943.264.691</b>	<b>66.894.768.803</b>	<b>9.986.262.112</b>	<b>(33.228.344.986)</b>	<b>82.875.200.620</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>35.279.250.000</b>	<b>3.943.264.691</b>	<b>66.894.768.803</b>	<b>9.986.262.112</b>	<b>(33.228.344.986)</b>	<b>82.875.200.620</b>
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	(28.755.142.244)	(28.755.142.244)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.279.250.000</b>	<b>3.943.264.691</b>	<b>66.894.768.803</b>	<b>9.986.262.112</b>	<b>(61.983.487.230)</b>	<b>54.120.058.376</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nông Văn Lạc	16.000.190.000	45,35%	14.616.190.000	41,43%
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	1.960.000.000	5,56%	1.960.000.000	5,56%
Vốn góp của cổ đông khác	17.319.060.000	49,09%	18.703.060.000	53,01%
<b>Cộng</b>	<b>35.279.250.000</b>	<b>100%</b>	<b>35.279.250.000</b>	<b>100%</b>

**5.18 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	35.279.250.000	25.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	10.079.250.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	35.279.250.000	35.279.250.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	13.103.250.000
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	-	10.079.250.000

**5.19 Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.527.925</b>	<b>3.527.925</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.527.925</b>	<b>3.527.925</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.527.925	3.527.925
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.527.925</b>	<b>3.527.925</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.527.925	3.527.925
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	31.761.934.029	6.735.306.600
Doanh thu bán sản phẩm	130.418.781.579	209.565.713.559
<b>Cộng</b>	<b>162.180.715.608</b>	<b>216.301.020.159</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	24.285.714.286	129.246.095.238
<b>Cộng</b>	<b>24.285.714.286</b>	<b>129.246.095.238</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	21.515.285	137.484.093
Hàng bán bị trả lại	13.395.000	11.571.429
<b>Cộng</b>	<b>34.910.285</b>	<b>149.055.522</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.925.864.706	5.735.009.224
Giá vốn của thành phẩm đã bán	177.265.634.957	218.558.716.568
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.891.570.764	12.766.364.429
<b>Cộng</b>	<b>181.083.070.427</b>	<b>237.060.090.221</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.471.018	23.641.619
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.078.987	18.455.870
	<b>78.550.005</b>	<b>42.097.489</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.685.893.148	3.051.985.287
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	56.782.653	57.551.570
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	866.393	-
<b>Cộng</b>	<b>3.743.542.194</b>	<b>3.109.536.857</b>

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	137.374.244	138.861.274
Chi phí khấu hao TSCĐ	128.180.364	128.180.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.031.339	984.022.203
Chi phí bằng tiền khác	54.933.102	126.011.305
<b>Cộng</b>	<b>1.132.519.049</b>	<b>1.377.075.146</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.091.323.964	1.650.270.435
Chi phí đồ dùng văn phòng	238.609.817	460.182.217
Chi phí khấu hao TSCĐ	437.756.700	549.217.432
Thuế, phí và lệ phí	550.727.957	477.828.231
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(62.832.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.422.728	3.989.897.856
Chi phí bằng tiền khác	244.931.204	233.042.178
<b>Cộng</b>	<b>5.162.940.370</b>	<b>7.360.438.349</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	342.692.000	-
Bán phân bón, mía giống	3.956.202.717	6.919.587.006
Thu nhập khác	37.906.722	835.022.325
<b>Cộng</b>	<b>4.336.801.439</b>	<b>7.754.609.331</b>

**6.9 Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	115.326.211
Giá vốn của phân bón, mía giống	3.944.070.102	7.501.989.790
Các khoản khác	181.618.469	712.098.832
<b>Cộng</b>	<b>4.125.688.571</b>	<b>8.329.414.833</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(28.686.603.844)</b>	<b>(33.287.883.949)</b>
Trong đó,		
Hoạt động sản xuất kinh doanh	(29.029.295.844)	(33.287.883.949)
Hoạt động kinh doanh bất động sản	342.692.000	-
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>147.652.869</b>	<b>147.652.869</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	147.652.869	147.652.869
Chi phí không hợp lệ	147.652.869	147.652.869
<b>Thu nhập được miễn thuế</b>		
<b>Các khoản lỗ được kết chuyển</b>	<b>(32.687.301.231)</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(61.226.252.206)</b>	<b>(33.140.231.080)</b>
Trong đó,		
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	342.692.000	
Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế suất 15%	-	(32.687.301.231)
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất thông thường</b>	<b>68.538.400</b>	<b>-</b>
Trong đó,		
Hoạt động sản xuất kinh doanh	-	
Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	68.538.400	
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>68.538.400</b>	<b>-</b>

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>(28.755.142.244)</b>	<b>(33.287.883.949)</b>
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(28.755.142.244)	(33.287.883.949)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.527.925	3.527.925
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(8.151)</b>	<b>(9.436)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	(28.755.142.244)	(33.287.883.949)
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(28.755.142.244)	(33.287.883.949)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.527.925	3.527.925
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(8.151)</b>	<b>(9.436)</b>

**6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	21.256.838.420	20.288.269.638
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	187.948.002.976	188.989.728.631
Chi phí công cụ dụng cụ	837.185.511	1.252.542.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.138.628.656	10.070.426.112
Thuế, phí, lệ phí	550.727.957	477.828.231
Chi phí dự phòng	(62.832.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.575.730.912	6.292.256.566
Chi phí khác bằng tiền	3.820.273.599	2.943.850.038
<b>Cộng</b>	<b>230.064.556.031</b>	<b>230.314.901.320</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	141.837.168.000	125.100.000.000

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	121.000.000.000	115.501.000.000

## 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *i. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	80.437.168.000	-	-	80.437.168.000
Phải trả người bán	26.091.575.540	-	-	26.091.575.540
Chi phí phải trả	144.000.000	-	-	144.000.000
Phải trả khác	4.273.593.284	-	-	4.273.593.284
<b>Cộng</b>	<b>110.946.336.824</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>110.946.336.824</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	59.600.000.000	-	-	59.600.000.000
Phải trả người bán	7.373.731.273	-	-	7.373.731.273
Chi phí phải trả	276.000.000	-	-	276.000.000
Phải trả khác	3.015.706.568	-	-	3.015.706.568
<b>Cộng</b>	<b>70.265.437.841</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70.265.437.841</b>

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.333.599.959	-	937.926.685	-	1.333.599.959	937.926.685
Phải thu khách hàng	8.349.264.747	(112.680.000)	12.620.169.815	(112.680.000)	8.236.584.747	12.507.489.815
Phải thu khác	729.949.913	(10.000.000)	2.266.354.682	(72.832.000)	719.949.913	2.193.522.682
	<b>10.412.814.619</b>	<b>(122.680.000)</b>	<b>15.824.451.182</b>	<b>(185.512.000)</b>	<b>10.290.134.619</b>	<b>15.638.939.182</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	80.437.168.000	-	59.600.000.000	-	80.437.168.000	59.600.000.000
Phải trả người bán	26.091.575.540	-	7.373.731.273	-	26.091.575.540	7.373.731.273
Chi phí phải trả	144.000.000	-	276.000.000	-	144.000.000	276.000.000
Phải trả khác	4.273.593.284	-	3.015.706.568	-	4.273.593.284	3.015.706.568
	<b>110.946.336.824</b>	<b>-</b>	<b>70.265.437.841</b>	<b>-</b>	<b>110.946.336.824</b>	<b>70.265.437.841</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2019 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương của Ban điều hành, Hội đồng quản trị, BKS	1.064.023.611	1.018.372.494
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	143.220.000	133.980.000

**9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	Cổ đông lớn	Bán sản phẩm đường	24.285.714.286	129.246.095.238

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Trong năm tài chính, Công ty chủ yếu chỉ hoạt động mua bán kinh doanh sản phẩm đường trong lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động khác là không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**9.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

**9.4 Thông tin về hoạt động liên tục**

Theo đó, tại ngày 30/06/2019, tổng nợ ngắn hạn của Công ty là 133.541.348.383 đồng trong khi đó tổng tài sản ngắn hạn là 108.771.136.279 đồng. Như vậy, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 24.770.212.104 đồng. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới của Công ty.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ thực hiện các giải pháp duy trì nâng cao doanh thu và tiết giảm chi phí để khắc phục tình trạng lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty tiếp tục hoạt động tốt trong thời gian tới và sẽ từng bước cơ cấu một phần nợ vay ngắn hạn sang dài hạn để bảo đảm khả năng thanh toán của Công ty.

Ngoài ra, không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**NÔNG VĂN LẠC**  
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 20 tháng 09 năm 2019

**MÃ THỊ QUYẾT**  
Kế toán trưởng

**MÃ THỊ QUYẾT**  
Người lập biểu

